

Bản án số: 202/2024/DS-PT  
Ngày: 30/8/2024  
V/v Tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các thẩm phán:

1. Ông Lê Thanh Hoàng

2. Bà Trịnh Ngọc Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị H- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 159/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2024/DS-ST, ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2024/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sô Ny G, sinh năm: 1977; cư trú: Số nhà A, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Thái H1, sinh năm: 1974; cư trú: số A, tổ C, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024.

2. Đồng bị đơn:

2.1 Bà Trần Thị Huỳnh M, sinh năm 1979;

2.2 Ông Lý Chí L, sinh năm 1969;

Cùng cư trú: Số nhà A, ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông L: bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 2001, nơi cư trú: B24 đường A, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư Nguyễn Thị H2 – Công ty TNHH T- Đoàn Luật sư thành phố C. Địa chỉ: B đường A, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bà G, ông H1, bà N, Luật sư H2 có mặt. Ông L, bà M có đơn xin vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* bà Trần Thị Huỳnh M, ông Lý Chí L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Bà Sô N1 Giás căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 19/6/2023 kiện yêu cầu bà Trần Thị Huỳnh M và ông Lý Chí L thanh toán nợ vay 555.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Trong quá trình hòa giải, số tiền bà G và bà M thông nhất 553.000.000 đồng.

Theo bà Sô Ny G, do quen biết nên bà có cho bà M vay 2 lần, lần đầu vay 300.000.000 đồng; lần sau vay 270.000.000 đồng (không nhớ ngày, tháng, năm), không tính lãi. Mục đích vay để làm vốn mua bán, giao kết mỗi tuần trả 5.000.000 đồng, trả được 3 lần. Đến ngày 19/6/2023 yêu cầu bà M ghi biên nhận nợ có sự chứng kiến của chị Đỗ Thị O và chị Trần Ngọc Hòa A. Tuy nhiên bà M trả được 17.000.000 đồng thì ngưng. Do đòi nhiều lần nhưng bà M không trả nên bà kiện yêu cầu vợ chồng bà M trả số tiền còn nợ.

Bà Trần Thị Huỳnh M thừa nhận có vay tiền của bà Sô Ny G, mục đích để lấy vốn làm ăn, cho người ta vay lại, bà có làm biên nhận nợ với bà G số tiền 570.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 19/6/2023 mà bà Sô Ny G cung cấp. Bà có trả cho bà S Ny Giás nhiều lần với tổng số tiền 17.000.000 đồng, thừa nhận còn nợ bà Sô Ny Giás 553.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà M xác định, phần nợ này do bà đứng ra vay, không liên quan chồng bà (ông L) nên xin trả một mình.

Ông Lý Chí L trình bày: Ông là chồng của bà M. Số nợ này do bà M tự vay với bà Sô Ny G, ông không biết nội dung vay giữa hai bên, ông cũng không biết bà Sô Ny G và không liên quan trong việc này nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Sô Ny G.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định được ông Lý Chí L và bà Trần Thị Huỳnh M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do UBND xã K cấp ngày 15/5/2018.). Hiện bà M và ông L vẫn còn sống chung tại ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà S Ny Giás xác định ông Lý Chí L có biết việc bà M vay tiền qua việc bà giao tiền tại nhà bà M, các lần điện thoại và có lần ông L đến nhà hỏi bà việc bà M vay tiền, bà có nói với ông L và ông L kêu bà để bà M ký nhận nợ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bên đại diện ông L cung cấp tài liệu: Văn bản xác định tài sản riêng, các quyết định thi hành án tài sản và các Quyết định công nhận thoả thuận của Toà án về bà M trả nợ.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Đại diện ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định số tiền 553.000.000đ là nợ riêng của bà M, ông L không liên quan nên yêu cầu Toà án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L về loại trừ trách nhiệm liên đới trả khoản nợ 553.000.000đ.

Luật sư bảo vệ cho ông L trình bày luận cứ bảo vệ:

Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để triệu tập người làm chứng, trường hợp không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lý Chí L không liên đới nghĩa vụ trả nợ cùng với bà M.

Bởi: Không có tài liệu nào thể hiện vay nợ chung, bà M nợ nhiều người bà tự nguyện trả, giữa bà M với ông L có thoả thuận phân chia tài sản dù ông L, bà M vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; các đương sự chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bà M, ông L có trách nhiệm cùng trả số tiền 553.000.000 đồng. Bà M thừa nhận mục đích vay tiền để lấy vốn làm ăn, cho người ta vay lại. Bà M, ông L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, hiện hai người còn sống chung. Do đó bà M, ông L phải cùng chịu trách nhiệm về nghĩa vụ do bà M thực hiện. Vì vậy có căn cứ xác định đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông L liên đới cùng bà M trả cho bà G số tiền 553.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp kháng cáo của ông L, bà M giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Huỳnh M, ông Lý Chí L trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà M, đại diện cho ông L giữ yêu cầu kháng cáo, cho rằng đây là nợ riêng của bà M, ông L không liên quan, nên không phải chịu trách nhiệm liên đới. Người đại diện cho ông L có cung cấp tài liệu mới: Văn bản Thoả thuận tài sản riêng

của vợ chồng ngày 07/6/2023, các quyết định thi hành án và các quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà M thừa nhận có vay và nhận số tiền: 570.000.000 đồng, có trả nhiều lần với tổng số tiền 17.000.000 đồng, còn nợ 553.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà G rút lại số tiền 2.000.000 đồng, cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu. Về trách nhiệm liên đới, qua việc ghi lời khai, thu thập chứng cứ thì số tiền vay 570.000.000đ là lớn, mục đích vay là cho vay lại, bà M không chứng minh được dùng tiền vay, tiền lãi không nhằm phục vụ đời sống gia đình; hơn nữa, khi vay, bà M không nói rõ cho bên bà G biết rằng đây là khoản nợ riêng của bà, chồng bà ông Lý Chí L không có nghĩa vụ liên đới trả nợ nếu vi phạm nghĩa vụ của người vay; nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bà M phải chịu trách nhiệm do không cung cấp thông tin cần thiết, thông tin trung thực này cho bà G biết đối với khoản nợ này.

Ông L không chứng minh được nguồn tiền 570.000.000đ bà M sử dụng vào mục đích riêng, bà M dùng tiền vay, tiền lãi không vì kinh tế chung; trong khi vợ chồng ông, bà có kinh tế chung là quán ăn, nhiều tài sản chung là quyền sử dụng đất, vợ chồng hiện vẫn đang sống chung trong cùng một nhà nên có cơ sở xác định tiền vay dùng vào kinh tế chung gia đình.

Đại diện cho ông L có cung cấp Văn bản thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng ngày 07/6/2023, theo văn bản này thì tài sản là đất do ông Lý Chí L đứng tên có trước khi ông với bà M thành vợ chồng nên xác định tài sản này là của riêng ông L, đây không phải là thủ tục chia tài sản chung. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tài sản là quyền sử dụng đất vẫn đứng tên chung vợ chồng, không chia tài sản chung này trong thời kỳ hôn nhân, không xác định nghĩa vụ của riêng giữa ông L và bà M, nên các tài liệu do đại diện của ông L cung cấp không có chứng cứ nào để loại trừ trách nhiệm liên đới của ông L với bà M trả nợ.

Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Lý Chí L cùng có trách nhiệm liên đới với bà Trần Thị Huỳnh M phải trả toàn bộ số nợ còn lại 553.000.000 đồng cho bà Sô Ny G là có cơ sở. Việc bà G không yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho bị đơn, nên kháng cáo của ông lên, bà M không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: ông L, bà M kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Huỳnh M, ông Lý Chí L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân huyện A, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà So Ny G đối với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Sô Ny G.

Buộc bà Trần Thị Huỳnh M và ông Lý Chí L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S Ny Giás 553.000.000 (Năm trăm năm mươi ba triệu) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà Sô Ny G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy đị nh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Huỳnh M và ông Lý Chí L phải chịu 26.120.000 (Hai mươi sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn lại cho bà Sô Ny Giás số tiền tạm ứng án phí 13.100.000 (Mười ba triệu một trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0008553 ngày 09/10/2023.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông Lý Chí L, bà Trần Thị Huỳnh M mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0009486 và số 0009487 cùng ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú ;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Keo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Hoàng**

**Trịnh Ngọc Thúy**

**Đào Chí Keo**

